

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT

Ngày 27- 4 - 2023

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Yên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:**
Bà Huỳnh Hồng Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 27/3/2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Do Bản án sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ-ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2023/QĐ-PT ngày 07/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1979, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã M, huyện N, tỉnh Bạc Liêu; hiện tạm trú: Khóm 2, thị trấn O, huyện O, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1979, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 9, xã M, huyện N, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn, anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị A trình bày: Vào năm 2000, chị và anh B tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là xã M), huyện N, tỉnh Bạc Liêu, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 04 tháng 7 năm 2000. Chị và anh B chung sống có hai con chung là C, sinh ngày 01/01/2001 đã trưởng thành và D, sinh ngày 25/12/2007. Trong thời gian sống chung, chị và anh B phát sinh nhiều mâu thuẫn, có cự cãi và anh B có sử dụng

vũ lực với chị nên từ tháng 9/2022 đến nay chị đã sống ly thân, về nhà cha mẹ ở cùng các con. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh B; yêu cầu được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D, do cháu C đã trưởng thành; không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con; nợ chung tài sản chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn anh B trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A, với lý do vẫn còn tình cảm với chị A và mong muốn hàn gắn đoàn tụ; vợ chồng không phát sinh mâu thuẫn gì nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn hạnh phúc và anh không muốn hôn nhân đổ vỡ làm ảnh hưởng đến các con. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh, thì anh đồng ý để chị A được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D như nguyện vọng của cháu; nếu con muốn sống với anh thì không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con.

Từ nội dung trên, tại Bản án sơ thẩm số 09/2023/HNGĐ- ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Giao cháu D, sinh ngày 25/12/2007 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị A không yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/02/2023, bị đơn anh B kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại, anh không đồng ý ly hôn với chị A. Tại phiên tòa anh B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Xét thấy anh B kháng cáo xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn. Chị A cương quyết xin ly hôn; thực tế chị A và anh B đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay là mục đích hôn nhân không đạt được. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị A và anh B chung sống có hai con chung là C, sinh ngày 01/01/2001 đã trưởng thành và D, sinh ngày 25/12/2007, hiện đang ở với chị A. Chị A xin ly hôn, anh B không đồng ý ly hôn, cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không nghiêm trọng, anh cần thời gian hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị A và anh B phát sinh mâu thuẫn, có cự cãi và anh B có sử dụng vũ lực với chị A, nên từ tháng 9/2022 đến nay chị A đã sống ly thân, về nhà cha mẹ ở cùng các con. Chị A xin ly hôn, xác định hiện tình cảm vợ chồng không còn, anh B yêu cầu hàn gắn đoàn tụ với chị A nhưng chị A không đồng ý, cương quyết ly hôn, anh B cũng không đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm cụ thể như thế nào.

[2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”, nhưng hôn nhân của chị A và anh B không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau và thực tế hiện nay anh chị đã sống ly thân hơn 6 tháng, là mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin đoàn tụ của anh B.

Về nuôi con: Do anh B xác định trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn với anh, thì anh đồng ý để chị A được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D như nguyện vọng của cháu, nên cấp sơ thẩm xử giao con cho chị A trực tiếp nuôi là có căn cứ, chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát giữ nguyên án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm anh B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 09/2023/HNGĐ- ST ngày 16/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị A đối với anh B, cho chị A được ly hôn với anh B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu D, sinh ngày 25/12/2007 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị A không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm buộc chị A phải chịu 300.000 đồng. Chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo Biên lai thu số 0005490 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm anh B phải nộp 300.000 đồng, anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005716 ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện N;
- CCTHADS huyện N;
- UBND xã M, h. N;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thị Thu Hương